| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN S**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày 20/9/2023<br>V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Việt Cường**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Phạm Văn Vượng**.

2. Ông **Ma Quốc Thể**.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Bùi Trần Thị Minh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông **Hoàng Hữu Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông **Đinh Hoàng A** – Sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị N** (Tên gọi khác: **Đỗ Thị Thanh Nghĩa**) – Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Đinh Hoàng A có quan điểm trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bài N trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 31/10/1996 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, ông và bài N chung sống với nhau tại thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều điều bất đồng trong cuộc sống và kinh tế gia đình; vợ chồng đã được gia

đình hai bên tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Ông và bài N đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Ông Hoàng A xét thấy không còn tình cảm với bài N, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bài N ly hôn, để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Hoàng A và bài N có 02 con chung:

- Anh Đinh Huỳnh Đ – Sinh năm: 1997.

- Anh Đinh Đức H – Sinh năm: 2011.

Anh Đ đã trưởng thành, trên 18 tuổi nhưng anh Đ là người khuyết tật, moi sinh hoạt hàng ngày đều phải có người chăm sóc, hỗ trợ. Sau khi ly hôn, ông Hoàng A có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục anh Đ. Giao anh H cho bài N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Ông Đinh Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Biên bản lấy lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Đỗ Thị N có quan điểm trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng A trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 31/10/1996 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, bà và ông Hoàng A chung sống với nhau tại thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều điều bất đồng trong cuộc sống và kinh tế gia đình; vợ chồng đã được gia đình hai bên tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Bà và ông Hoàng A đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Bà N xét thấy không còn tình cảm với ông Hoàng A, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của ông Hoàng A. Bài N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Hoàng A ly hôn, để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bài N và ông Hoàng A có 02 con chung:

- Anh Đinh Huỳnh Đ – Sinh năm: 1997.

- Anh Đinh Đức H – Sinh năm: 2011.

Anh Đ đã trưởng thành, trên 18 tuổi nhưng anh Đ là người khuyết tật, mọi sinh hoạt hàng ngày đều phải có người chăm sóc, hỗ trợ. Sau khi ly hôn, bài N có quan điểm giao anh Đ cho ông Hoàng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bài N nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục anh H đến khi anh H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Bà Đỗ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án không tiến hành mở phiên hòa giải vì bài N vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của ông Đinh Hoàng A đối với bà Đỗ Thị N.

**2.** Về quan hệ hôn nhân: Xử ông Đinh Hoàng A và bà Đỗ Thị N ly hôn.

**3.** Về con chung:

- Giao anh Đinh Huỳnh Đ – Sinh năm: 1997 cho ông Đinh Hoàng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Giao anh Đinh Đức H – Sinh năm: 2011 cho bà Đỗ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh H trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông Đinh Hoàng A và bà Đỗ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

**4.** Về tài sản, công nợ: Ông Đinh Hoàng A và bà Đỗ Thị N không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

**5.** Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.**

- Về quan hệ tranh chấp: Ông Đinh Hoàng A và bà Đỗ Thị N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ông Hoàng A khởi kiện về việc xin ly hôn với bài N và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại xã V, huyện S,

tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Ông Đinh Hoàng A và bà Đỗ Thị N xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì phát mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do ông Hoàng A và bài N có nhiều quan điểm bất đồng trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Ông Hoàng A và bài N đều xác định không còn tình cảm với nhau.

Tòa án nhận thấy, về tình trạng hôn nhân giữa ông Hoàng A và bài N cuộc sống chung không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, hai ông bà đã sống ly thân với nhau đã lâu nhưng ông Hoàng A và bài N cũng không thể hòa giải, hàn gắn để quay về chung sống với nhau. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Hoàng A đối với bài N là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng A và bài N cùng trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 31/10/1996 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo Giấy chứng nhận kết hôn thể hiện: Bà Đỗ Thị Thanh Nghĩa – Sinh năm: 1979 và ông Đinh Hoàng A – Sinh năm: 1979 đăng ký kết hôn ngày 31/10/1996. Theo các giấy tờ tùy thân và qua xác minh thể hiện: "*Bà Đỗ Thị N (tên gọi khác: Đỗ Thị Thanh N) sinh ngày: 12/10/1981. Thời điểm bài N và ông Đinh Hoàng A đăng ký kết hôn tại UBND xã V, bài N chưa đủ điều kiện đăng ký kết hôn (chưa đủ tuổi) theo quy định của pháp luật nên bài N đã tự khai tăng tuổi (từ sinh năm: 1981 thành sinh năm: 1979) để đăng ký kết hôn*". Thời điểm ông Hoàng A và bài N đăng ký kết hôn (ngày 31/10/1996) thì bài N mới **15 năm 19 ngày** tuổi. Tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: "*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*". Do vậy, việc đăng ký kết hôn giữa ông Hoàng A và bài N là kết hôn trái pháp luật.

Tại thời điểm kết hôn, ông Hoàng A và bài N kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến thời điểm ông Hoàng A yêu cầu giải quyết việc ly hôn thì các bên đều có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, ông Hoàng A và bài N cùng yêu cầu cho ly hôn nên Tòa án xử ông Hoàng A và bài N ly hôn là có căn cứ.

**[3] Về con chung:** Quá trình chung sống, ông Đinh Hoàng A và bà Đỗ Thị N có 02 con chung:

- Anh Đinh Huỳnh Đ – Sinh năm: 1997.

- Anh Đinh Đức H – Sinh năm: 2011.

Anh Đ đã trưởng thành, trên 18 tuổi nhưng là người khuyết tật thần kinh, tâm thần mức độ nặng (Theo Giấy xác nhận khuyết tật số hiệu: 27/SD/VP:0021 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang), mọi sinh hoạt hàng ngày đều phải có người chăm sóc, hỗ trợ, giúp đỡ. Ông Hoàng A và bài N cùng có

nguyện vọng giao anh Đ cho ông Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng, giao anh H cho bài N trực tiếp nuôi dưỡng.

HĐXX nhận thấy: Điều kiện hoàn cảnh của anh Đ và anh H đang rất cần sự quan tâm, giáo dục một cách thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và nhân cách. Quá trình nuôi con, ông Hoàng A và bài N không vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của con. Ông Hoàng A và bài N có nơi cư trú rõ ràng; công việc, thu nhập ổn định, vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung ăn học đầy đủ nên đảm bảo được về điều kiện sinh hoạt, học tập cho con. Anh H có nguyện vọng ở cùng với mẹ là bài N, phù hợp với nguyện vọng của ông Hoàng A và bài N.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, để ổn định cuộc sống của con chung, cần chấp nhận nguyện vọng của ông Hoàng A và bài N về nuôi con chung là có căn cứ. Giao anh Đ cho ông Hoàng A và giao anh H cho bài N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định của pháp luật.

Ông Hoàng A và bài N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**[4] Về tài sản chung và công nợ:** Ông Đinh Hoàng A và bà Đỗ Thị N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

**[5] Về án phí:** Ông Đinh Hoàng A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[6] Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Áp dụng:**

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp "Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình";

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của ông Đinh Hoàng A đối với bà Đỗ Thị N.

**2.** Về quan hệ hôn nhân: Xử ông Đinh Hoàng A và bà Đỗ Thị N ly hôn.

**3.** Về con chung:

- Giao anh Đinh Huỳnh Đ – Sinh năm: 1997 cho ông Đinh Hoàng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 20/9/2023.

- Giao anh Đinh Đức H – Sinh năm: 2011 cho bà Đỗ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh H trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 20/9/2023.

Ông Đinh Hoàng A và bà Đỗ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

**4.** Về án phí: Ông Đinh Hoàng A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0002829 ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Ông Đinh Hoàng A đã nộp đủ tiền án phí*).

**5.** Quyền kháng cáo: Ông Đinh Hoàng A và bà Đỗ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- VKSND huyện S;*
*- TAND tỉnh Tuyên Quang;*
*- Chi cục THADS huyện S;*
*- Ủy ban nhân dân xã V;*
*- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Cường**